

Tuyên Hóa, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN

Phát triển chăn nuôi tập trung, giai đoạn 2021 - 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05 / 12 /2021
của UBND huyện)*

I. THÔNG TIN CHUNG ĐỀ ÁN

1. Tên Đề án: Phát triển chăn nuôi tập trung, giai đoạn 2021 - 2025.
2. Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa.
3. Cơ quan lập và chủ trì triển khai thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Quan điểm phát triển:
 - Phát triển chăn nuôi tập trung theo quy hoạch của các xã, thị trấn để khai thác tiềm năng, lợi thế tài nguyên trên địa bàn huyện một cách hiệu quả, bền vững, gắn với thị trường tiêu thụ, nhằm phục vụ nhu cầu trong, ngoài huyện và các tỉnh lân cận.
 - Xây dựng các trang trại, gia trại, cơ sở chăn nuôi tập trung áp dụng các tiên bộ về khoa học, kỹ thuật có quy mô lớn, gắn với các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế (Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ) để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.
5. Đối tượng thực hiện:
 - Vật nuôi chủ lực của huyện: Bò lai, lợn giống, lợn thịt, gà thịt và gà đẻ trứng.
 - Các chủ thể sản xuất, kinh doanh: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và cá nhân, các cơ quan quản lý nhà nước ngành nông nghiệp địa phương, tổ chức khoa học kỹ thuật, thị trường, tổ chức sản xuất, môi trường và thể chế chính sách tác động trực tiếp đến năng suất, chất lượng các sản phẩm.
6. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn huyện Tuyên Hóa.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Bối cảnh trong nước

Nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới, trên nền tảng những thành tựu nổi bật của giai đoạn trước, cùng với đó là những thách thức trong bối cảnh mới. Đặc biệt là ảnh hưởng mạnh mẽ của áp lực tăng dân số, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa lên không gian phát triển của ngành nông nghiệp, trong đó có chăn nuôi. Việt Nam cũng đã ký kết, gia nhập các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới¹ tạo điều kiện cho việc trao đổi, thương mại hàng hóa, nông sản, trong đó có sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Đây là cơ hội để có thể xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi tới thị trường khu vực và thế giới nhưng cũng là thách thức đối với ngành chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh ngành chăn nuôi nước ta còn không ít những tồn tại, hạn chế cần phải giải quyết. Cần phải đổi mới cách thức tổ chức quản lý, sản xuất để phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, liên kết theo chuỗi, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên nhằm tạo ra sản phẩm chăn nuôi chất lượng tốt với giá thành thấp, kiểm soát tốt an toàn dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm.

Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi cần có sự thay đổi để thích ứng với tác động ngày càng lớn của biến đổi khí hậu, tình hình dịch bệnh và tận dụng được những thành tựu mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại. Các công nghệ mới cần được nghiên cứu, ứng dụng trong quản lý, quản trị, vận hành sản xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi, tối ưu hóa quá trình sản xuất, chăn nuôi, giảm tác động đến môi trường sinh thái, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm. Đồng thời, ứng dụng các công nghệ tiên tiến để đổi mới cách thức tiếp cận, kết nối thị trường, phân phối sản phẩm nâng cao giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi.

Lần đầu tiên có Luật chăn nuôi điều chỉnh các hoạt động của ngành chăn nuôi, nhằm quy định thống nhất các hoạt động từ khâu sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi đến bảo quản, chế biến và thương mại hóa sản phẩm chăn nuôi.

¹ Tính đến nay, Việt Nam đã tham gia, ký kết 13 Hiệp định thương mại tự do, trong đó có Hiệp định Đối tác Tiến bộ và Toàn diện Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước EU (EVFTA),... và đang đàm phán 03 Hiệp định thương mại tự do với các quốc gia khác.

2. Tỉnh Quảng Bình

Sản xuất nông nghiệp phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,1%/năm. Đến năm 2019, tỷ trọng nông nghiệp chiếm 19,71% GRDP toàn tỉnh; giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp đạt 8.800 tỷ đồng; sản lượng lương thực 28,7 vạn tấn; tỷ trọng chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp chiếm 51,9%, chăn nuôi đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp ở Quảng Bình còn manh mún, tính liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế.

Để ngành nông nghiệp phát triển nhanh bền vững, tạo ra nông sản hàng hóa chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành **“Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2030”**.

3. Huyện Tuyên Hóa

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, ngành chăn nuôi ở Quảng Bình nói chung và huyện Tuyên Hóa nói riêng chăn nuôi còn nhỏ lẻ, rải rác trong khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường, không có tính liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế.

Để ngành chăn nuôi phát triển nhanh và bền vững, phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, liên kết theo chuỗi, chất lượng tốt, kiểm soát tốt an toàn dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái, việc xây dựng **“Đề án phát triển chăn nuôi tập trung, giai đoạn 2021 - 2025”** là cần thiết nhằm xác định phạm vi, đối tượng, nội dung, chính sách tác động và nguồn lực để thực hiện.

III. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi;
- Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;
- Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định tiêu chí kinh tế trang trại;
- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;
- Các Quyết định số: 3879/QĐ-BKHHCN ngày 29/12/2017; 3883/QĐ-BKHHCN ngày 29/12/2017; 3965/QĐ-BKHHCN ngày 26/12/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn Quốc gia về nông nghiệp hữu cơ;
- Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh;
- Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Đề án số 2154/ĐA-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2020 - 2030;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tuyên Hóa lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung với quy mô lớn; chuyển đổi diện tích đất trồng các loại cây kém hiệu quả sang trồng cỏ chăn nuôi. Tập trung nâng cao chất lượng đàn, từng bước áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, an toàn dịch bệnh; khuyến khích chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò lai, thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích người dân đầu tư chăn nuôi đến năm 2025 đạt 305 tỷ đồng (chiếm 55% trong ngành nông nghiệp); tỷ lệ bò lai chiếm trên 80% tổng đàn. Phát triển mạnh đàn gia cầm, nhất là các giống gà địa phương, thương hiệu “gà đồi Tuyên Hóa”;

- Chương trình hành động số 02-CTr/HU ngày 01/10/2020 của Huyện ủy về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, phát huy lợi thế các sản phẩm đặc trưng của địa phương gắn với giảm nghèo bền vững.

Để nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi, tăng giá trị, tỷ trọng chăn nuôi cần có bước đột phá về nhận thức cho người dân, phát triển các cơ sở chăn nuôi tập trung có quy mô, đưa các loại giống mới, phương thức chăn nuôi tiên tiến vào sản xuất. Từ thực tế trên việc phát triển chăn nuôi tập trung là vấn đề cấp thiết cần phải được thực hiện. Đó là những cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện Đề án.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, huyện đã chú trọng phát triển chăn nuôi, nhiều cơ sở kinh tế trang trại, nhiều mô hình chăn nuôi tập trung bò, lợn, gia cầm có hiệu quả cao. Tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong ngành nông nghiệp từ 49,1% năm 2015 tăng lên 53,09% năm 2020. Chất lượng đàn, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ngày càng tăng, tỷ lệ bò lai từ 45% năm 2015 tăng lên 71% năm 2020; tỷ lệ đàn lợn có máu ngoại đạt trên 98%. Đến nay, toàn huyện có 11 trang trại chăn nuôi tập trung. Các sản phẩm chăn nuôi đã thâm nhập được vào thị trường nội, ngoại tỉnh và đã có khả năng cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại của các địa phương khác. Tốc độ phát triển và hướng đi phù hợp với mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra.

Công tác thú y: Hiện nay, trên địa bàn có Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, 19 trường Ban Thú y xã, thị trấn; 10 dẫn tinh viên thụ tinh nhân tạo bò đã

được đào tạo, có chứng chỉ hành nghề, đây là điều kiện để người chăn nuôi tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật và phòng, chống các loại dịch bệnh. Chỉ đạo tiêm phòng đạt kế hoạch, tăng cường kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; nhờ vậy, trong 5 năm qua trên địa bàn cơ bản ngăn chặn và khống chế được các dịch bệnh nguy hiểm như bệnh dịch tả lợn châu Phi, lở mồm long móng, tụ huyết trùng, phó thương hàn, cúm gia cầm... không để các loại bệnh lây lan thành dịch ra diện rộng.

Thị trường tiêu thụ: Tuyên Hóa là huyện miền núi nhưng khá thuận lợi về giao thông cả đường sắt, đường bộ và đường thủy; cách khu kinh tế Vũng Áng, Hòn La 50 km; cách thành phố Đồng Hới 100km; thương mại, dịch vụ trên địa bàn từng bước đáp ứng nhu cầu cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm; thông tin thị trường, giá cả luôn được cập nhật, nắm bắt kịp thời. Nhu cầu tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi ngày càng tăng, tạo điều kiện cho việc sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, nhằm tăng giá trị gia tăng vật nuôi. Trên địa bàn tỉnh còn phải nhập bò thịt, lợn thịt ...từ nơi khác về tiêu thụ, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi tập trung.

Với những điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội; chất lượng nguồn nhân lực và những kết quả bước đầu của ngành chăn nuôi là những tiền đề cơ bản để thực hiện tốt Đề án phát triển chăn nuôi tập trung, giai đoạn 2021 - 2025.

(Phụ lục I)

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, đồng thời nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ. Tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, an toàn sinh học; tăng cường công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh; xây dựng hệ thống cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo vệ sinh thực phẩm, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người chăn nuôi góp phần giảm nghèo bền vững..

2. Mục tiêu cụ thể

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đến năm 2025 đạt 305 tỷ đồng (chiếm

55% trong sản xuất nông nghiệp).

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đến năm 2025 đạt trên 7.860 tấn, trong đó: gia súc 6.400 tấn, gia cầm 1.460 tấn.

- Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh: Đến năm 2025 xây dựng được ít nhất 10 vùng.

- Duy trì và phát triển 11 trang trại chăn nuôi hiện có, xây dựng mới 10 trang trại chăn nuôi tập trung, đến năm 2025 có 21 trang trại chăn nuôi.

- Đàn bò: 16.000 con, trong đó đàn bò lai chiếm trên 80% tổng đàn, lai với giống bò Brahman đỏ, Brahman trắng, Droughtmaster, Blanc Bleu Belge (3B); toàn huyện có 3 - 4 trang trại chăn nuôi bò lai đạt từ 50 con trở lên, 15-20 gia trại chăn nuôi bò với quy mô 20 con trở lên, mỗi xã ở vùng chăn nuôi bò chủ lực có ít nhất 2-3 gia trại (Tiến Hóa, Cao Quảng, Phong Hóa, Đức Hóa, Thạch Hóa, Đồng Hóa, Sơn Hóa, Thuận Hóa, Kim Hóa, Thanh Hóa).

- Đàn lợn: 25.000 con, trong đó đàn lợn nái ngoại sinh sản chiếm trên 15% tổng đàn lợn nái; toàn huyện có 3-4 trang trại chăn nuôi lợn nái ngoại với quy mô 300-500 con; 4-5 trang trại chăn nuôi lợn thịt thương phẩm quy mô từ 500 con trở lên, 25-30 gia trại chăn nuôi lợn thịt thương phẩm với quy mô 100 con trở lên, mỗi xã trong vùng chăn nuôi lợn chủ lực có tối thiểu 3- 4 gia trại chăn nuôi lợn thịt (Tiến Hóa, Mai Hóa, Cao Quảng, Phong Hóa, Đức Hóa, Thạch Hóa, Đồng Hóa, Sơn Hóa, thị trấn Đồng Lê, Lê Hóa, Thuận Hóa, Kim Hóa, Hương Hóa, Thanh Hóa).

- Đàn gà: 390.000 con, 4-5 trang trại chăn nuôi gà thương phẩm đạt từ 5.000-10.000 con, 20-25 gia trại với quy mô 300-500 con (mỗi xã ở vùng chăn nuôi gà chủ lực có ít nhất 4-5 gia trại (Đức Hóa, Thạch Hóa, Đồng Hóa, Sơn Hóa, thị trấn Đồng Lê, Thuận Hóa, Lê Hóa, Kim Hóa, Hương Hóa).

- Xây dựng 01 lò ấp giống gia cầm với công suất 3.000-5.000 con/1 lần ấp.

- Xây dựng 02 cơ sở giết mổ tập trung.

- Xây dựng 01 cơ sở giết mổ, ướp lạnh và cấp đông gà.

- Chuyển đổi đất trồng cây kém hiệu quả sang thâm canh trồng cỏ và các cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi khoảng từ 70-100 ha.

- Xây dựng 01 chợ buôn bán gia súc, gia cầm.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quy hoạch

- Quy hoạch chăn nuôi phải phù hợp với đặc điểm và lợi thế của từng vùng sinh thái, nhằm khai thác tối đa tiềm năng của từng loại vật nuôi, đảm bảo phát triển bền vững, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường.

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại đến khu dân cư, trường học, bệnh viện, chợ...

2. Áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi

- Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học, vào lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, giết mổ, chế biến và xử lý môi trường chăn nuôi.

- Huy động và khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong chuyển giao khoa học công nghệ, trao đổi thông tin, kinh nghiệm về phát triển chăn nuôi, thú y.

3. Phòng, chống dịch bệnh

- Triển khai có hiệu quả việc xây dựng bản đồ dịch tễ đối với những loại dịch bệnh nguy hiểm thường xuyên xảy ra và dịch bệnh mới để các địa phương, người chăn nuôi chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Thực hiện công tác tiêm phòng vacxin để kiểm soát, khống chế dịch bệnh...

- Xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, nhất là ở các vùng chăn nuôi tập trung.

- Nâng cấp hệ thống kiểm dịch động vật, vừa bảo đảm hiệu quả cho công tác kiểm soát dịch bệnh vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi thúc đẩy phát triển chăn nuôi và cung ứng con giống, thực phẩm cho thị trường.

4. Nâng cao năng suất, chất lượng vật nuôi

- Tiếp tục chương trình cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu

hoá, đàn lợn phát triển theo hướng lợn ngoại trên cơ sở phát triển nhanh mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng bò đực giống, lợn đực giống tốt đã qua chọn lọc cho nhân giống ở những nơi chưa có điều kiện triển khai biện pháp thụ tinh nhân tạo.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn bò cái nền để phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao; sử dụng tinh bò thịt cao sản để cho lai tạo.

- Tham gia thực hiện đề tài “*Ứng dụng lai tạo giống bò BBB (Blanc-Bleu - Belge) với đàn bò nền lai Zebu F1, F2 hướng thịt trên địa bàn huyện*” do Viện công nghệ sinh học, Viện hàn lâm khoa học công nghệ Việt Nam hỗ trợ và nhân rộng mô hình trên toàn huyện.

- Phát triển đàn gà theo hướng giống gà ri lai (3/4 máu gà ri), đầu tư lò ấp với công suất 3.000- 5.000 con/1 lần ấp.

5. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương như: ngô, lúa, sắn....và áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong thức ăn chăn nuôi.

- Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ và thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; thâm canh trồng cỏ, ngô... kết hợp công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp (TMR) để chăn nuôi và vỗ béo bò.

- Hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân ủ rơm, ủ chua, ủ xanh, ủ men sinh học để các hộ tận dụng hết các nguồn phụ phẩm nông sản tại chỗ như ngô, lúa, sắn, rơm, thân cây ngô, lạc... làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

6. Giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp cần tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

7. Chính sách đất đai

- Tạo điều kiện thuận lợi về giao đất, thuê đất và các chính sách ưu đãi cho chủ cơ sở chăn nuôi, giết mổ tập trung và cơ sở chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới...

- Khuyến khích người dân chuyển đổi đất trồng cây kém hiệu quả sang thâm canh trồng cỏ và các cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bằng các giống năng suất cao, giàu dinh dưỡng cho nhu cầu phát triển chăn nuôi đàn gia súc ăn cỏ. Tổng diện tích đất các loại cho nhu cầu này khoảng từ 70-100 ha.

8. Chính sách tài chính và tín dụng

- Tạo hành lang pháp lý, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Tạo mọi điều kiện để hộ dân tiếp cận được với các nguồn vốn tín dụng đầu tư vào phát triển chăn nuôi. Kiến nghị tỉnh đề xuất với hệ thống ngân hàng có chính sách ưu đãi với hộ chăn nuôi.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế, tạo điều kiện thuận lợi nhất trong điều kiện cho phép.

- Huyện hỗ trợ cơ sở hạ tầng (giao thông, điện) đến tại khu chăn nuôi tập trung; chợ buôn bán gia súc, gia cầm, hỗ trợ hội thi bò, bê lai.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyên sâu đội ngũ dẫn tinh viên thụ tinh nhân tạo.

- Hỗ trợ tinh bò thịt năng suất cao và vật tư thiết bị phục vụ cho công tác thụ tinh nhân tạo bò.

9. Chính sách thương mại

- Thành lập hợp tác xã, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi theo quy trình và bao tiêu sản phẩm.

- Tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gắn với các chuỗi liên kết.

Các địa phương, trung tâm mua bán, siêu thị, chợ đầu mối và ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi có thương hiệu, gắn với các chuỗi liên kết.

- Tăng cường công tác tìm kiếm thị trường, xây dựng và tổ chức mạng lưới thông tin đáp ứng yêu cầu thông tin thương mại nông sản; giới thiệu quảng bá sản phẩm chăn nuôi thông qua hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX: Xây dựng đăng ký bao bì, nhãn mác, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ xây dựng thương hiệu và phát huy tốt thương hiệu “Gà đồi Tuyên Hóa”.

- Mở rộng hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chăn nuôi nhất là những sản phẩm chăn nuôi chủ lực, những sản phẩm chăn nuôi có lợi thế.

10. Đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là cấp cơ sở; đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Đào tạo chuyên sâu đội ngũ dẫn tinh viên thụ tinh nhân tạo.

11. Khuyến nông và thông tin tuyên truyền

- Xây dựng chương trình khuyến nông chăn nuôi khép kín các khâu, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, bao gồm các nội dung: Xây dựng mô hình chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ và trang trại; đào tạo nghề, kỹ thuật, kỹ năng cho cán bộ quản lý và đào tạo kỹ thuật cho người chăn nuôi...

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật, tham quan các mô hình có hiệu quả về chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cỏ...

- Xây dựng các chương trình truyền thông chuyên sâu nhằm từng bước thay đổi nhận thức và thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

12. Tổ chức sản xuất

- Mời gọi các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia.

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo các chuỗi liên kết chuỗi giá trị, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các chủ trang trại.

- Thành lập nhóm hộ, tổ hợp tác và từng bước thành lập hợp tác xã chăn nuôi; nhằm mục đích để trao đổi thông tin về kỹ thuật, giá, thị trường...

13. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

- Quản lý ngành chăn nuôi chặt chẽ theo Luật.

- Hoạt động chăn nuôi, thú y là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, cơ sở có hoạt động chăn nuôi, thú y phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường, an toàn sinh học.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

- Tăng cường thực hiện việc kiểm tra giám sát các cơ sở chăn nuôi, các đại lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... theo quy định để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

14. Chính sách khuyến khích và khen thưởng

Để khuyến khích động viên kịp thời cho nhân dân trong công tác phát triển chăn nuôi, hàng năm huyện ban hành chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, tổ chức hội nghị tổng kết chăn nuôi, tổ chức hội thi bò, bê lai, biểu dương khen thưởng những cá nhân tiêu biểu.

15. Kinh phí thực hiện Đề án

- Nguồn vốn sự nghiệp: Lồng ghép với các chương trình, kế hoạch đang triển khai trên lĩnh vực nông nghiệp như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững, Kế hoạch phát triển nông nghiệp của huyện giai đoạn 2021-2025, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông khuyến ngư, khuyến công và xúc tiến thương mại...

- Vốn đầu tư của cá nhân, doanh nghiệp và hợp tác xã...; nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

16. Quản lý và sử dụng vốn

Việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ Đề án áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo Đề án phát triển chăn nuôi tập trung, do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND huyện làm trưởng ban; đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm phó ban trực; Trưởng các phòng, ban chuyên môn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn làm thành viên, tham mưu giúp UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện Đề án trên địa bàn. Tham mưu, đề xuất với UBND huyện về các cơ chế chính sách phù hợp, có biểu dương khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích, đồng thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo, có trách nhiệm:

Tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện hàng năm; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức chỉ đạo thực hiện Đề án.

Tham mưu UBND huyện làm tốt công tác quản lý nhà nước và thực hiện các hoạt động thuộc ngành quản lý, như giống, phòng trừ dịch bệnh, vệ sinh thú y...

Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm và giai đoạn, báo cáo UBND huyện; đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án khi cần thiết.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu điều chỉnh, bổ sung chính sách và bố trí nguồn kinh phí, đảm bảo cho quá trình thực hiện Đề án. Xây dựng chính sách, ưu tiên bố trí và cân đối vốn đầu tư cho chăn nuôi tập trung.

4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, dự tính, dự báo giá cả, thị trường;

tham mưu cho UBND huyện định hướng thị trường, xúc tiến thương mại, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài huyện ký kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi cho nông dân; phối hợp các ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn bán trái pháp luật.

Phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các xã, thị trấn áp dụng công nghệ, ưu tiên các đề tài, mô hình ứng dụng trong chăn nuôi.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các xã, thị trấn rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch; quản lý, thực hiện tốt quy hoạch sử dụng khu chăn nuôi tập trung, hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường và kiểm soát tình hình ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách chăn nuôi nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ các cấp, các ngành và nhân dân góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể cấp huyện, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng, các ngành, các địa phương để tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân, hộ gia đình thực hiện tốt Đề án.

8. Các Ngân hàng

Đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các chương trình tín dụng phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, theo các nội dung tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân vay vốn phát triển chăn nuôi.

9. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp

Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà soát tổng đàn bò, đàn lợn thống kê cụ thể số lượng bò cái sinh sản, lợn nái và lợn đực giống, để có kế

hoạch phối giống; thực hiện tốt công tác thụ tinh nhân tạo bò, lợn xây dựng kế hoạch tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò lai, kỹ thuật nuôi lợn, gà bằng công nghệ sinh học và trồng cỏ cho người dân, tổ chức hội thi bò, bê lai ở các xã, thị trấn; phòng trừ dịch bệnh, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và các lĩnh vực chuyên môn.

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Trên cơ sở Đề án của huyện, xây dựng kế hoạch, lộ trình, thành lập Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện (hoàn thành trong quý I năm 2021), tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển chăn nuôi tập trung, hàng năm tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp cụ thể cho năm tới; thường xuyên phổ biến các chính sách về phát triển chăn nuôi của trung ương, tỉnh, huyện. Phối hợp với các phòng, ban ngành, đơn vị liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Đề án.

Định kỳ 6 tháng (cuối quý II), hàng năm (cuối quý IV) báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

11. Đối với các hộ dân

Áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo, thay thế đàn bò cái lai có tỷ lệ máu ngoại thấp bằng bò cái lai có tỷ lệ máu ngoại từ 50 trở lên; thay thế đàn lợn nái lai bằng lợn nái ngoại... đầu tư mở rộng diện tích trồng cỏ thâm canh; tham gia các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi để áp dụng vào sản xuất; chấp hành việc tiêm phòng, thực hiện tốt công tác thú y, vệ sinh chuồng trại. Đối với những tổ chức, cá nhân có điều kiện chủ động làm đơn xin cấp đất làm trang trại chăn nuôi tại khu vực chăn nuôi tập trung theo quy hoạch của các xã, thị trấn./.

Phụ lục I:
SỐ LƯỢNG TỔNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM QUA CÁC NĂM

Năm	Trâu	Bò	Lợn	Đê	Gia cầm	Sản lượng thịt hơi xuất chông (tấn/năm)	Tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong nông nghiệp (%)
2016	7.033	15.444	23.735	1.468	283.687	5.966	51,3
2017	6.744	16.335	25.448	2.123	330.148	6.346	51,5
2018	6.669	15.765	27.459	3.020	361.280	6.376	51,8
2019	6.988	16.002	24.947	3.730	352.592	6.398	52,6
2020	7.255	14.794	22.966	3.543	360.000	6.744	53,1

Phụ lục II
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÀN BÒ, LỢN, GÀ ĐẾN NĂM 2025

ĐVT: Con

T T	Xã, thị trấn	2021			2022			2023			2024			2025		
		Đàn bò	Đàn lợn	Đàn gà	Đàn bò	Đàn lợn	Đàn gà	Đàn bò	Đàn lợn	Đàn gà	Đàn bò	Đàn lợn	Đàn gà	Đàn bò	Đàn lợn	Đàn gà
1	Đồng Lê	400	500	12.000	400	500	12.200	405	500	12.400	410	500	12.700	410	500	13.000
2	Hương Hoá	440	1.720	28.000	440	1.720	28.200	445	1.750	28.500	455	1.750	28.800	455	1.750	29.000
3	Kim Hoá	535	3.900	18.000	535	3.900	18.300	545	3.900	18.600	560	3.900	18.800	560	3.900	19.000
4	Thanh Hoá	880	1.850	15.000	880	1.850	15.200	890	1.900	15.500	910	1.900	15.800	910	1.900	16.500
5	Thanh Thạch	285	1.170	8.000	285	1.170	8.200	290	1.200	8.500	300	1.200	8.800	300	1.200	9.000
6	Thuận Hoá	570	860	18.000	570	860	18.300	575	900	18.500	590	900	18.700	590	900	19.500
7	Lâm Hoá	375	380	6.000	375	380	6.100	380	390	6.200	390	390	6.500	390	390	7.000
8	Lê Hoá	505	500	17.000	505	500	17.300	510	550	17.500	520	550	17.700	520	550	18.500
9	Sơn Hoá	820	1.200	31.000	820	1.200	31.300	830	1.250	31.500	850	1.250	31.600	850	1.250	32.500
10	Đồng Hoá	1.030	2.050	21.000	1.030	2.050	21.200	1.040	2.100	21.500	1.050	2.100	21.700	1.050	2.100	22.500
11	Ngư Hoá	230	210	4.000	230	210	4.200	235	220	4.300	240	220	4.700	240	220	5.000
12	Thạch Hoá	1.940	2.000	40.000	1.940	2.000	40.200	1.960	2.000	40.400	1.970	2.000	40.500	1.970	2.000	41.000
13	Đức Hoá	1.190	1.400	23.000	1.190	1.400	23.400	1.205	1.430	23.500	1.240	1.430	23.800	1.240	1.430	24.500
14	Phong Hoá	915	850	22.000	915	850	22.200	925	870	22.500	940	870	23.000	940	870	23.500
15	Mai Hoá	1.310	1.800	32.000	1.310	1.800	32.200	1.325	1.840	32.400	1.350	1.840	32.800	1.350	1.840	33.000
16	Tiến Hoá	1.330	1.950	30.000	1.330	1.950	30.500	1.350	2.000	31.000	1.380	2.000	31.200	1.380	2.000	32.000
17	Châu Hoá	1.090	280	11.000	1.090	280	11.200	1.105	290	11.400	1.120	290	11.500	1.120	290	12.000
18	Cao Quảng	635	1.400	18.000	635	1.400	18.700	660	1.430	19.500	695	1.430	20.000	695	1.430	20.500
19	Văn Hóa	1.020	480	11.000	1.020	480	11.100	1.025	480	11.300	1.030	480	11.400	1.030	480	12.000
Tổng cộng		15.500	24.500	365.000	15.500	24.500	370.000	15.700	25.000	375.000	16.000	25.000	380.000	16.000	25.000	390.000

